

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **136/2023/DS-PT**
Ngày: 28/6/2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ký

Các thẩm phán: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Bà Nguyễn Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông La Minh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 161/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q

Địa chỉ: Tầng 6 Tòa nhà PaxSky số 26 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V. Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H. Chức danh: Giám đốc trung tâm quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ - Khối ngân hàng bán lẻ VIB (Giấy ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021).

Người đại diện theo ủy quyền lại của bà Trần Thị Thu H:

1. Ông Võ Văn T, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q(vắng mặt).
2. Ông Phạm Tiến N, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (có mặt).
3. Ông Nguyễn Thanh B, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (Có mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 27/07/2022)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Bà Đặng Thị Kim A, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ 4, Ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 09/07/2018 Ngân hàng và ông Nguyễn Thành S, bà Đặng Thị Kim A ký hợp đồng tín dụng số 1159/HĐTD-VIB601/18. Hai bên thỏa thuận, số tiền vay là 578.000.000 đồng, mục đích vay mua ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA, thời hạn vay 84 tháng, từ ngày 11/01/2018 đến ngày 10/07/2025; Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 09 (mỗi tháng trả 6.680.000 đồng, số tiền còn lại trả vào kỳ cuối cùng); Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 9, kỳ trả nợ đầu tiên 09/08/2018; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Thành S và bà Đặng Thị Kim A theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 1159/KUNN-VIB601/18 ngày 09/07/2018 với số tiền 578.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Thẻ tín dụng: Căn cứ Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB, đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản của khách hàng Nguyễn Thành S và Đặng Thị Kim A ngày

27/05/2019, các văn bản của khách hàng Nguyễn Thành S và Đặng Thị Kim A ký với Ngân hàng, chi tiết như sau: Số thẻ: 5128240000964286; loại thẻ: Thẻ tín dụng Quốc tế VIB Financial Free; ngày cấp: 30/05/2019; hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng, lãi suất, phí: theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S và bà Kim A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy, Ngân hàng đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 09/11/2020. Tạm tính đến ngày 28/08/2022, ông S và bà Kim A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 433.443.524 đồng (trong đó: gốc là 310.779.602 đồng, lãi là 122.663.922 đồng). Tạm tính đến ngày 28/08/2022, tổng dư nợ của ông Nguyễn Thành S và bà Đặng Thị Kim A tại Ngân hàng cụ thể như sau: Theo hợp đồng tín dụng: Nợ gốc 267.220.398 đồng; nợ lãi: 105.689.828 đồng, tổng cộng 372.910.226 đồng; Theo hợp đồng thẻ tín dụng: 230.769.545 đồng, tổng cộng số tiền là 603.679.771 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thành S và bà Đặng Thị Kim A phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay một lần toàn bộ số nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành S và bà Đặng Thị Kim A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bị đơn ông Nguyễn Thành S và bà Đặng Thị Kim A về việc tranh chấp hợp đồng tín

dụng và tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng. Buộc ông Nguyễn Thành S, bà Đặng Thị Kim A phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng là 372.910.226 đồng (gồm nợ gốc là 267.220.398 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/8/2022 là 105.689.828 đồng); Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Thành S và bà Đặng Thị Kim A thanh toán nợ theo hợp đồng thẻ tín dụng số tiền là 230.769.545 đồng.

Về án phí: Cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông Nguyễn Thành S, bà Đặng Thị Kim A phải chịu số tiền 18.645.511 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn phải chịu số tiền 11.538.477 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 12.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005180 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 711.523 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/9/2022, Ngân hàng có đơn kháng cáo nội dung: Việc Tòa án nhân dân huyện L không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Thành S và bà Đặng Thị Kim A về việc trả tiền gốc là 49.012.127 đồng và tiền lãi tính đến ngày 27/02/2021 là 42.378.487 đồng là không có cơ sở và không đúng với thỏa thuận giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Thành S tại đề nghị phát hành thẻ tín dụng (Financial free) kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 27/5/2019. Thứ nhất: Nguyên đơn chưa nhận được văn bản nào của Tòa án về việc thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung, cung cấp đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản bản có đóng dấu ngân hàng; bản tính lãi và sao kê chi tiết giao dịch tài khoản thẻ tín dụng đóng dấu ngân hàng. Thứ 2: Ông Nguyễn Thành S đứng đơn đề nghị phát hành thẻ, kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 27/5/2019 trong thời kỳ hôn nhân với bà Đặng Thị Kim A nên bà Anh liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn cùng với ông Nguyễn Thành S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp Bản sao y có công chứng đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, sao kê giao dịch thẻ tín dụng VIB và bản tự khai trình bày về số nợ còn phải trả của ông Nguyễn Thanh S. Đồng thời, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án dân sự sơ số 45/2022/DS-ST thẩm ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L theo

hướng chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về khoản vay phát hành thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Thành S và bà Đặng Thị Kim A, tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 28/6/2023 là 746.702.152 đồng, trong đó gồm nợ gốc là 315.220.398 đồng, nợ lãi và các khoản phát sinh là 431.481.754 đồng và tiếp tục tính lãi, các khoản phí theo quy định tại các hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng từ ngày 29/6/2023 cho đến khi thanh toán xong số nợ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật về tố tụng: Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thành S và bà Đặng Thị Kim A thanh toán số tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 1159/HĐTD-VIB601/18 ngày 09/07/2018 là 267.220.398 đồng; nợ lãi: 105.689.828 đồng, tổng cộng 372.910.226 đồng; Theo hợp đồng thẻ tín dụng: 230.769.545 đồng; yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh đối với toàn bộ các khoản nợ nêu trên kể từ ngày 29/8/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ. Bị đơn đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, phía nguyên đơn chỉ có lời khai và bản photo Thẻ tín dụng VIB để chứng cứ chứng minh cho yêu cầu thanh toán khoản nợ của hợp đồng thẻ tín dụng là không có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ là bản Đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản và sao kê giao dịch thẻ tín dụng VIB của ông Nguyễn Thanh S có dấu mộc của ngân hàng và yêu cầu phía ông S phải thanh toán tổng số nợ tính đến ngày 28/6/2023 là 323.501.404đ, gồm nợ gốc 48.000.000đ, lãi 48.721.759đ và phí chưa thanh toán là 226.779.645đ. Đây là chứng cứ mới có căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn được làm trong hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

Tại cấp sơ thẩm, phía nguyên đơn cung cấp các chứng cứ gồm bản sao hợp đồng tín dụng số 1159/HĐTD-VIB601/18 ngày 09/7/2018, bản photo giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 27/5/2019 giữa ông Nguyễn Thành S và Ngân hàng, các bản phô tô sao kê giao dịch thẻ tín dụng VIB. Phía bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có lời khai. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đối với bị đơn ông Nguyễn Thành S và bà Đặng Thị Kim A về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Thành S và bà Đặng Thị Kim A thanh toán nợ theo hợp đồng thẻ tín dụng số tiền là 230.769.545 đồng là có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ là bản sao y có công chứng đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản và sao kê giao dịch thẻ tín dụng VIB của ông Nguyễn Thanh S có dấu mộc của Ngân hàng và yêu cầu phía ông S phải thanh toán tổng số nợ tính đến ngày 28/6/2023 là 746.702.152 đồng, trong đó gồm nợ gốc là 315.220.398 đồng, nợ lãi và các khoản phát sinh là 431.481.754 đồng. Đây là chứng cứ mới có căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa bản án sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L. Đồng thời, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL để xác định lãi xuất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử phúc thẩm.

[4] Về án phí:

+ Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0006308 ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn ông Nguyễn Thành S, bà Đặng Thị Kim A phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 33.868.086 đồng. Hoàn trả nguyên đơn số tiền 12.250.000đ (mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005180 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017)

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

Tuyên xử:

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đối với bị đơn ông Nguyễn Thành S và bà Đặng Thị Kim A về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng thế tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Thành S, bà Đặng Thị Kim A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng tính đến ngày 28/6/2023 là 746.702.152 đồng (Bảy trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm lẻ hai nghìn một trăm năm mươi hai đồng), trong đó gồm nợ gốc là 315.220.398 đồng, nợ lãi và các khoản phát sinh là 431.481.754 đồng.

Kể từ ngày 29/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành S, bà Đặng Thị Kim A phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 33.868.086 đồng.

Hoàn trả nguyên đơn số tiền 12.250.000 đồng (mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005180 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

2.2 Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0006308 ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai.

3. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND H. L;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS L;
- Đường sự trong vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ký